

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu học phí năm học 2023 - 2024 đối với cơ sở giáo dục  
mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật  
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính  
phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống  
giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá  
dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 2355/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân  
tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định mức thu học phí năm học 2023 - 2024 đối với cơ sở giáo dục  
mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và cơ sở đào tạo khác thực  
hiện chương trình giáo dục phổ thông của tỉnh Phú Thọ thuộc loại hình giáo dục  
công lập và chưa tự đảm bảo chi thường xuyên.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang học tại các cơ sở giáo dục công  
lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật Giáo dục; học sinh  
tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo  
quy định.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan.

## **Điều 2. Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Phú Thọ năm học 2023 - 2024**

1. Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

*Đơn vị tính: Nghìn đồng/học sinh/tháng*

Số TT	Cấp học	Vùng		
		Thành thị (Cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn các phường của thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và thị trấn của các huyện - Trừ thị trấn huyện Yên Lập)	Nông thôn (Cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn các xã không phải là vùng dân tộc thiểu số và miền núi)	Dân tộc thiểu số và miền núi (Cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn các xã, thị trấn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ)
1	Mầm non	255	120	65
2	Trung học cơ sở	160	65	35
3	Trung học phổ thông	190	80	40

Trẻ em, học sinh, học viên đóng học phí theo mức thu tại các cơ sở giáo dục công lập nơi trẻ em, học sinh, học viên theo học.

2. Học sinh tiểu học công lập không phải đóng học phí. Quy định mức học phí làm cơ sở để hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tự thực thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định như sau:

*Đơn vị tính: Nghìn đồng/học sinh/tháng*

Cấp học	Vùng		
	Thành thị (Cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn các phường của thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và thị trấn của các huyện - Trừ thị trấn huyện Yên Lập)	Nông thôn (Cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn các xã không phải là vùng dân tộc thiểu số và miền núi)	Dân tộc thiểu số và miền núi (Cơ sở giáo dục đóng trên địa bàn các xã, thị trấn vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/06/2021 của Thủ tướng Chính phủ)
Tiểu học	160	65	35

3. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức thu học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

#### 4. Vùng áp dụng thu học phí

a) Vùng thành thị: Bao gồm các phường của thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ và thị trấn của các huyện (trừ thị trấn Yên Lập của huyện Yên Lập).

b) Vùng nông thôn: Bao gồm các xã không phải là vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Vùng dân tộc thiểu số và miền núi: Bao gồm các xã, thị trấn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

5. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và các văn bản có hiệu lực khác liên quan.

### **Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

#### **Nơi nhận:**

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- CVP, Các PCVP;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- TT Công báo - Tin học (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, phòng CTHĐND (MT).

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Minh Châu**